

Số: /TTYT - KD

Thuận Bắc, ngày tháng năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học kỹ thuật ngày 21/10/2024 về việc mua sắm hóa chất năm 2024 của Trung tâm Y tế Thuận Bắc

Trung tâm Y tế Thuận Bắc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói mua sắm hóa chất năm 2024.

Yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế Thuận Bắc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế Thuận Bắc.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đỗ Quốc Tùng, SĐT: 0834402040, Email: khoaduocttytb2005@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn Thư - Trung tâm Y tế Thuận Bắc, Thôn Ân Đạt - xã Lợi Hải - huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.
 - Nhận qua email: khoaduocttytb2005@gmail.com file mềm và bản scan có dấu đỏ của nhà cung cấp.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 11h ngày 21 tháng 10 năm 2024 đến trước 7h ngày 31 tháng 10 năm 2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 31/10/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục hóa chất: chi tiết bảng mô tả đính kèm Phụ lục 1.
- Địa điểm cung cấp, các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, Yêu cầu chất lượng, bảo quản như sau:
 - Địa điểm cung cấp: Khoa Dược - Trung tâm Y tế Thuận Bắc - Thôn Ân Đạt – xã Lợi Hải – huyện Thuận Bắc – tỉnh Ninh Thuận.
 - Hàng hóa được giao mới 100%, chưa qua sử dụng, được bảo quản và đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Hồ sơ báo giá bao gồm:
 - Báo giá theo mẫu Phụ lục 2 đính kèm thông báo này.
 - Các hãng sản xuất, nhà cung cấp cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hóa chất phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống

giá; (Bản giấy hoặc file mềm gửi trực tiếp về địa chỉ của Trung tâm Y tế hoặc email, quy định khoản 3 Mục I – Yêu cầu báo giá).

c. Trường hợp bản giấy chậm trễ trong quá trình vận chuyển gửi về địa chỉ nhận trực tiếp của bệnh viện quy định tại khoản 3 Mục I- Yêu cầu báo giá. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải có file mềm và bản scan của Hồ sơ báo giá theo quy định tại điểm điểm a, b khoản 3 mục này gửi về địa chỉ email của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá trước ngày kết thúc thời hạn nhận báo giá quy định tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT đăng Website;
- Lưu: VT, KD.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

Lê Thành Thoại

PHỤ LỤC 1

BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT DANH MỤC HÓA CHẤT

(Đính kèm Thư mời báo giá số: /TTYT-KD ngày tháng năm 2024 của TTYT Thuận Bắc)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
I. HÓA CHẤT DÙNG ĐƯỢC CHO MÁY HUYẾT HỌC SWELAB			
1	Dung dịch phá hồng cầu	Chức năng: Là dung dịch ly giải phá vỡ hồng cầu, không chứa cyanide lytic, dùng để đếm và định cỡ tế bào. Thành phần: + Muối bậc 4 <1.0%; + Muối <1.5%.	Thùng
2	Dung dịch pha loãng	Chức năng: là dung dịch pha loãng máu dùng cho việc đếm và định cỡ tế bào của máy phân tích huyết học. Thành phần: + Muối để ổn định isotonic <1.5% + Thuốc chống vi trùng <0.1% + Dung dịch đệm <0.3%	Thùng
3	Hóa chất nội kiểm máy huyết học mức trung bình	Dùng để kiểm chuẩn mức trung bình cho các thông số đo dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần	Lọ
II. HÓA CHẤT DÙNG ĐƯỢC CHO MÁY SINH HÓA MONARCH 240			
4	Hóa chất xét nghiệm ALT (SGPT) trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của SGPT trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: R1: Tris Buffer (pH 7.5) ≥ 110 mmol/L; L-Alanine ≥ 600 mmol/L; LDH ≥ 1500 U/L. R2: α -ketoglutarate ≥ 16 mmol/L; NADH ≥ 0.24 mmol/L	Hộp
5	Hóa chất xét nghiệm AST (SGOT) trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của SGOT trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: SGOT R1:	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> + Tris Buffer (pH 7.8) ≥ 88 mmol/L + MDH > 900 U/L + LDH > 1500 U/L SGOT R2: α -ketoglutarate ≥ 12 mmol/L NADH ≥ 0.24 mmol/L 	
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Gamma trong máu	<p>Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Gamma GT trong huyết thanh.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tris bufer pH (8.25) ≥ 133 mmol/L + Glycylglycine ≥ 138 mmol/L + GLUPA-C ≥ 23 mmol/L 	Hộp
7	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol trong máu	<p>Thuốc thử chẩn đoán dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương.</p> <p>Thành phần: Pipes bufer ≥ 50 mmol/L; Phenol ≥ 24 mmol/L; Sodium chlate ≥ 0.5 mmol/L; Cholesterol esterase ≥ 180 U/L; Cholesterol oxidase ≥ 200 U/L; Peroxidase ≥ 1000 U/L; 4- aminoantipyrine 0.5 mmol/L"</p>	Hộp
8	Hóa chất xét nghiệm HDL trong máu	<p>Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của HDL-Cholesterol trong huyết thanh.</p> <p>R1: N—Ethyl-N-(3-methylphenyl)-N'succinylethyenediame (EMSE). R2: Cholesterol Oxidase; 4-Aminoantipyrin (4-AA)</p>	Hộp
9	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides trong máu	<p>Thuốc thử chẩn đoán dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Pipes -buffer (pH 7.00): ≥ 50 mmol/L + TOPS: ≥ 5.3 mmol/L + Potassium ferrocynate: ≥ 10 mmol/L + Magnesium salt: ≥ 17 mmol/L + 4-Aminoanyipyrine: ≥ 0.9 mmol/L + ATP : ≥ 3.15 mmol/L + Lipoprotein lipase ≥ 1800 U/L 	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> + Glycerol Kinase ≥ 450 U/L + Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 3500 U/L + Peroxidase ≥ 450 U/L 	
10	Hóa chất xét nghiệm Glucose trong máu	<p>Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Glucose trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy.</p> <p>Thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tris Buffer: ≥ 92 mmol/L + Phenol: ≥ 0.3 mmol/L + Glucose oxidase: ≥ 15000 U/L + 4- Aminophenazone : ≥ 2.6 mmol/L 	Hộp
11	Hóa chất xét nghiệm Bun (Urea) trong máu	<p>Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Ure trong huyết thanh hoặc huyết tương, nước tiểu.</p> <p>Thành phần:</p> <p>Urea UV R1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Buffer (pH 7.6): ≥ 100 mmol/L + ADP: ≥ 0.7 mmol/L + α-ketoglutarate: ≥ 9.0 mmol/L <p>Urea UV R2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + GLDH > 1100 U/L + Urease > 6500 U/L + NADH ≥ 0.25 mmol/L + 2-Oxoglutarate ≥ 5 mmol/L 	Hộp
12	Hóa chất xét nghiệm Creatinine trong máu	<p>Thuốc thử dùng để định lượng Creatinine trong huyết thanh hoặc nước tiểu.</p> <p>Thành phần:</p> <p>'Creatinine Base Reagent:</p> <ul style="list-style-type: none"> Imidazole (pH 6.7) ≥ 125 mmol/L Sodium hydroxide ≥ 300 mmol/L Sodium Phosphate ≥ 25 mmol/L <p>Creatinine Dye Reagent:</p> <ul style="list-style-type: none"> Picric acid ≥ 8.73 mmol/L <p>Surfactant"</p>	Hộp

13	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin trực tiếp trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Bilirubin trong huyết thanh , huyết tương. Thành phần: R1: Sulfanilic acid ≥ 28.9 mmol/L; Hydrochloric acid ≥ 165 mmol/L; Preservatives and stabilizers R2: Bilirubin Activator Tuyến tính lên đến ≥ 20 mg/dL	Hộp
14	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin toàn phần trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Bilirubin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: R1: Sulfanilic acid ≥ 28.9 mmol/L; TAB ≥ 9 mmol/L; Preservatives and stabilizers R2: Bilirubin Activator	Hộp
15	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid trong máu 1 x (≥ 120 ml)	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Uric acid trong huyết thanh hoặc huyết tương, nước tiểu. Thành phần: EHSPT ≥ 0.72 mmol/L Phosphate Buffer (pH 7.0) ≥ 100 mmol/L Ferrocynide ≥ 0.03 mmol/L Amino -4-antipyrine ≥ 0.37 mmol/L Peroxidase ≥ 12000 U/L Uricase ≥ 150 U/L Sodium Azide $< 0.1\%$	Hộp
16	Hóa chất xét nghiệm Calci trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của calcium trong huyết thanh, huyết tương và nước. Thành phần: +MES pH 6.5 ≥ 1000 mmol/L +Arsenzo III ≥ 200 mmol /L	Hộp
17	Hóa chất xét nghiệm Albumin trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Albumin trong huyết thanh hoặc huyết tương. Thành phần: Succinate Buffer (pH 4.20) ≥ 75 mmol/L	Hộp

		Bromocresol green ≥ 0.14 g/L	
18	Hóa chất xét nghiệm Amylase trong máu	Thuốc thử này được dùng để xác định định lượng trong ống nghiệm của Amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Thành phần: MES Buffer ≥ 50 mmol/L; CNPG3 ≥ 2.27 mmol/L; Calcium chloride ≥ 60 mmol/L; Sodium chloride ≥ 70 mmol/L; Activator ≥ 900 mmol/L	Hộp
19	Hóa chất hiệu chuẩn cho máy sinh hóa	Chất hiệu chuẩn cho nhiều loại xét nghiệm thường quy..	Hộp
20	Hóa chất nội kiểm cho máy sinh hóa	Chất nội kiểm chuẩn mức bình thường.	Lọ
21	Dung dịch rửa dùng cho máy sinh hóa	Thuốc thử này được dùng để làm sạch và duy trì cuvet phản ứng và các đầu dò hút của máy xét nghiệm sinh hóa Thành phần: Dung dịch Alkaline; Chất ổn định	Hộp
22	Thuốc thử xét nghiệm CRP	Thuốc thử này được dùng để xét nghiệm định lượng protein phản ứng C hay C-reactive protein (CRP)	Hộp
23	Chất kiểm chuẩn Protein	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm CRP	Hộp
Tổng cộng: 23 mặt hàng			

PHỤ LỤC 2
BÁO GIÁ HÓA CHẤT
Kính gửi: Trung tâm Y tế Thuận Bắc

Trên cơ sở thư mời báo giá số /TTYT-KD của Trung tâm Y tế Thuận Bắc, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hóa chất như sau:

1. Báo giá cho các hóa chất và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hóa chất A										
2	Hóa chất B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hóa chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

